TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 11 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 va Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp TP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Dương Kim N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp TTB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2017, lời trình bày của anh Lê Văn P trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh và chị N kết hôn vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị N chủ động yêu cầu ly hôn mặc dù anh đã nhiều lần khuyên can nhưng chị N không đồng ý và đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm và không thể hàn gắn để quay lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con: Có 01 người con chung tên Lê Kim Nh, sinh ngày 29/10/2004 do chị N đang nuôi. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung: Giữa anh và chị N đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

** Lời trình bày của chị Dương Kim N trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Về hôn nhân: Qua trình bày của anh P về thời gian chung sống, hôn nhân không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân là đúng. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P.

Về con: Có 01 con chung như anh P trình bày. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi Kim Nh và yêu cầu anh P cấp dưỡng 650.000 đồng/tháng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Kim Nh tròn 18 tuổi.

Về tài sản gồm:

+ 01 diện tích 05 công tại ấp Tân Phú, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do anh Phong đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng và đang quản lý (anh Phong xác định đây là đất phụ ấm của gia đình để lại).

+ Số tiền 50.000.000 đồng do chị đang quản lý. Chị và anh P thỏa thuận cho Kim Như số tiền này nhưng để chị N tiếp tục quản lý, khi Kim Nh có yêu cầu chị N sẽ giao lại cho cháu.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị và anh P đã thỏa thuận xong về các tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Kim N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn P và chị Dương Kim N tự nguyện chung sống vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mẫu thuẫn, chị N chủ động yêu cầu ly hôn với anh P nên đã ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Với nguyên nhân mâu thuẫn ở trên, các đương sự xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn để quay lại chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc đồng ý ly hôn với nhau của các đương sự thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn và việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị N là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con: Anh P và chị N có 01 người con chung tên Lê Kim Nh, sinh ngày 29/10/2004 do chị N đang nuôi. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao Kim Nh cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Tại văn bản ghi nguyện vọng của Lê Kim Nh thể hiện: Hiện nay, cháu đang sinh sống cùng với chị N, khi cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị N.

Xét việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của Kim Nh; do vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và sự phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần của Kim Như nên giữ nguyên cho chị Nguyệt tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi Kim Nh theo yêu cầu của chị N là 650.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Kim Nh tròn 18 tuổi.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự đã thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì anh P phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 59, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn P và chị Dương Kim N.

2. Về con chung: Giao Lê Kim Nh, sinh ngày 29/10/2004 cho chị N tiếp tục nuôi, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức 650.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Kim Nh tròn 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng anh P phải chịu án phí số tiền là 600.000 đồng.

Anh P đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0009128 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ và còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn